IRREGULAR VERBS

INFINITIVE (V1)	PAST (V2)	PAST PARTICIPLE (V3)	MEANING
1. dig	.....	.....	đào, đào lỗ
2. do	.....	.....	làm
3. draw	.....	.....	vẽ, kéo
4. dream	.....	.....	ngủ mơ, mơ
5. drink	.....	.....	uống
6. drive	.....	.....	lái xe
7. eat	.....	.....	ăn
8. fall	.....	.....	té, ngã
9. feed	.....	.....	cho ăn, nuôi
10. feel	.....	.....	cảm thấy
11. fight	.....	.....	đánh, đấu tranh
12. find	.....	.....	tìm ra, tìm thấy, tìm
13. fly	.....	.....	bay
14. forget	.....	.....	quên
15. freeze	.....	.....	làm đóng băng
16. get	.....	.....	có, được
17. give	.....	.....	cho, tặng
18. go	.....	.....	đi
19. grow	.....	.....	trồng, lớn lên
20. awake	.....	.....	thức dậy

……HẾT……

LIVEWORKSHEETS